

VỐN XÃ HỘI VÀ VỐN VĂN HÓA GIA ĐÌNH: NHỮNG YẾU TỐ CHI PHỐI SỰ KẾ THỪA NGHỀ NGHIỆP GIỮA CÁC THẾ HỆ TẠI THÀNH PHỐ THANH HÓA

Nguyễn Thị Lý¹, Nguyễn Thị Việt Hưng²

TÓM TẮT

Bài báo phân tích cơ chế kế thừa nghề nghiệp giữa các thế hệ trong gia đình tại thành phố Thanh Hóa, dưới góc nhìn lý thuyết về vốn xã hội và vốn văn hóa của Pierre Bourdieu. Nghiên cứu sử dụng phương pháp hỗn hợp, khảo sát 291 hộ gia đình thuộc hai phường đại diện cho tầng lớp trung lưu và cư dân nhập cư. Kết quả cho thấy, thế hệ trẻ ngày nay có xu hướng chủ động hơn trong lựa chọn nghề nghiệp, song ảnh hưởng từ gia đình - cả về vốn văn hóa (học vấn, thói quen, kỳ vọng) và vốn xã hội (mạng lưới hỗ trợ, uy tín) - vẫn đóng vai trò then chốt. Quá trình kế thừa không còn là sự lặp lại nghề cụ thể mà chuyển sang kế thừa biểu tượng, vị thế xã hội. Điều này đặt ra vấn đề về bất bình đẳng tiềm ẩn trong thị trường lao động hiện đại, khi những lợi thế gia đình được duy trì và tái sản xuất qua nhiều thế hệ.

Từ khóa: Kế thừa nghề nghiệp, vốn văn hóa, vốn xã hội.

DOI: <https://doi.org/10.70117/hdujs.82.12.2025.962>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh xã hội Việt Nam chuyển biến mạnh mẽ dưới tác động của đô thị hóa, công nghệ và toàn cầu hóa, việc lựa chọn nghề nghiệp của cá nhân ngày càng chịu ảnh hưởng đa chiều từ môi trường giáo dục, truyền thông và chính sách lao động. Tuy vậy, gia đình vẫn giữ vai trò là một đơn vị xã hội cơ bản, nơi truyền tải các kỳ vọng, nguồn lực và khuôn mẫu hành vi nghề nghiệp giữa các thế hệ.

Lý thuyết về vốn văn hóa và vốn xã hội của Pierre Bourdieu cung cấp khung phân tích hữu ích để lý giải việc cá nhân tiếp cận nghề nghiệp không chỉ dựa trên năng lực cá nhân mà còn thông qua các nguồn lực tích lũy từ gia đình, bao gồm thói quen, kinh nghiệm và các mối quan hệ xã hội. Trong bối cảnh này, kế thừa nghề nghiệp không đơn thuần là tiếp nối nghề của cha mẹ, mà là quá trình tái sản sinh và chuyển hóa các dạng vốn xã hội - văn hóa trong những điều kiện lịch sử - xã hội khác nhau.

Từ thực tiễn Việt Nam, đặc biệt tại các đô thị đang phát triển, thế hệ trẻ vừa duy trì sự tiếp nối nghề nghiệp trong gia đình, vừa xuất hiện xu hướng lựa chọn nghề độc lập với thế hệ trước nhưng vẫn nằm trong cùng hệ tầng xã hội. Điều này cho thấy những hình thức kế thừa nghề nghiệp mới đang được hình thành.

¹ Khoa Khoa học Xã hội, Trường Đại học Hồng Đức; Email: nguyenthily@hdu.edu.vn

² Phòng QLKH, CN&HTQT, Trường Đại học Hồng Đức

Trên cơ sở đó, bài viết đặt ra các câu hỏi nghiên cứu: Thế hệ sau lựa chọn nghề nghiệp như thế nào trong mối liên hệ với nghề của cha mẹ? Họ kế thừa trực tiếp hay chuyển hóa hình thức kế thừa? Vai trò của vốn xã hội và vốn văn hóa trong quá trình này được thể hiện ra sao? Thông qua so sánh giữa thế hệ thứ hai và thứ ba trong gia đình, bài viết góp phần làm rõ cơ chế vận hành của sự kế thừa nghề nghiệp trong bối cảnh hiện đại.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý thuyết và tiếp cận nghiên cứu

Hiện tượng con cái tiếp nối nghề của cha mẹ thường được tiếp cận trong các nghiên cứu về di động nghề nghiệp liên thế hệ. Tuy nhiên, nghiên cứu này sử dụng khái niệm kế thừa nghề nghiệp nhằm nhấn mạnh chiều cạnh văn hóa - biểu tượng của quá trình lựa chọn nghề, thay vì chỉ đo lường sự thay đổi vị thế nghề nghiệp theo các chỉ báo kinh tế - xã hội.

Theo cách tiếp cận này, kế thừa nghề nghiệp không nhất thiết là sự lặp lại nghề cụ thể giữa các thế hệ, mà có thể biểu hiện ở sự duy trì các trường nghề, vị thế xã hội và chuẩn văn hóa nghề. Lý thuyết vốn văn hóa và vốn xã hội của Pierre Bourdieu được sử dụng làm khung phân tích chính. Vốn văn hóa (thói quen, tri thức, giá trị nghề nghiệp) và vốn xã hội (mạng lưới quan hệ, uy tín) được truyền đạt qua gia đình, tạo ra những lợi thế hoặc giới hạn khác nhau cho thế hệ sau khi gia nhập thị trường nghề nghiệp. Khái niệm *habitus* giúp lý giải xu hướng lặp lại nghề nghiệp như một hệ quả của quá trình xã hội hóa, trong đó cá nhân lựa chọn nghề không chỉ dựa trên cơ hội khách quan mà còn trên cảm nhận về sự phù hợp.

Bên cạnh đó, nghiên cứu tiếp cận theo truyền thống phân tầng xã hội, coi lựa chọn nghề nghiệp là kết quả của sự tương tác giữa cấu trúc xã hội và năng lực hành động của cá nhân trong giới hạn nguồn lực sẵn có. Việc kết hợp lý thuyết Bourdieu với cách tiếp cận phân tầng xã hội cho phép phân tích hiện tượng kế thừa nghề nghiệp vừa ở chiều sâu văn hóa - xã hội, vừa đảm bảo khả năng so sánh giữa các nhóm xã hội khác nhau.

2.2. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

Bài viết tiếp cận theo phương pháp nghiên cứu hỗn hợp, trong đó phân tích định lượng được sử dụng làm phương pháp chủ đạo. Cách tiếp cận này nhằm làm rõ mối liên hệ giữa các yếu tố gia đình (vốn xã hội, vốn văn hóa, học vấn, giới tính...) và xu hướng kế thừa nghề nghiệp của thế hệ trẻ. Phỏng vấn sâu được sử dụng như phương pháp bổ trợ nhằm làm rõ các cơ chế xã hội đứng sau các kết quả định lượng.

Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ một cuộc khảo sát do tác giả thực hiện năm 2023 tại thành phố Thanh Hóa, được thiết kế đối sánh với nghiên cứu cùng chủ đề tiến hành giai đoạn 2015 - 2016. Bảng hỏi được giữ nguyên cấu trúc, tập trung thu thập thông tin về nghề nghiệp của ba thế hệ trong gia đình. Đối tượng khảo sát là các hộ gia đình có ít nhất hai thế hệ tham gia lao động, trong đó thế hệ cha mẹ (F2) và con cái (F3) là trung tâm phân tích. Khảo sát được tiến hành tại hai phường Đông Thọ và Quảng Hưng, đại diện cho các nhóm cư dân với điều kiện kinh tế - xã hội khác nhau. Tổng số phiếu phát ra là 300, thu về 291 phiếu hợp lệ. Cơ cấu mẫu như sau: Về giới tính: 51,5% người trả lời nam; 49,5% người trả lời nữ. Nghề nghiệp đầu tiên của người trả lời: Nông dân (ND): 20%; Lao động giản đơn (LĐGD): 1,3%; Tiểu thủ công (TTC): 10,7%; Bán hàng, dịch vụ (BH, DV): 6,0%; Công nhân (CN): 24,3%; Nhân viên (NV): 16,3%; Lực lượng vũ trang (LLVT): 17,3%; Chuyên môn cao (CMC): 3,3%; Doanh nhân (DN): 0,7%.

Song song với khảo sát, nghiên cứu tiến hành 10 cuộc phỏng vấn sâu với các cá nhân thuộc những nhóm nghề có đặc điểm kế thừa rõ rệt hoặc có sự đứt gãy, nhằm tìm hiểu động lực, kỳ vọng và chiến lược lựa chọn nghề. Dữ liệu định lượng được xử lý bằng phần mềm SPSS 22.0 thông qua thống kê mô tả và phân tích tương quan; dữ liệu định tính được phân tích nội dung để hỗ trợ diễn giải các kết quả định lượng. Do giới hạn địa bàn và cỡ mẫu, kết quả nghiên cứu mang tính nghiên cứu trường hợp và có ý nghĩa gợi mở cho các nghiên cứu tiếp theo.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Vốn văn hóa và quá trình chuẩn bị nghề nghiệp của thế hệ sau

Trong lựa chọn nghề nghiệp, vốn văn hóa ảnh hưởng trực tiếp đến cách cá nhân tiếp cận thông tin, hình thành động cơ và xác lập kỳ vọng nghề. Dữ liệu khảo sát cho thấy vai trò của gia đình trong cung cấp thông tin nghề nghiệp vẫn ở mức cao và gần như không thay đổi giữa hai thế hệ (44,0% ở thế hệ thứ hai và 44,1% ở thế hệ thứ ba). Điều này cho thấy, gia đình là kênh thông tin ổn định trong quá trình chuẩn bị nghề nghiệp.

Không chỉ cung cấp thông tin, gia đình còn góp phần định hình các chuẩn mực và kỳ vọng nghề nghiệp thông qua quá trình xã hội hóa sớm. Theo cách tiếp cận của Bourdieu, đây là biểu hiện của sự tái sản xuất vốn văn hóa giữa các thế hệ, thường diễn ra gián tiếp thông qua thói quen, lời khuyên và định hướng giá trị trong đời sống gia đình.

Xét các lý do lựa chọn nghề nghiệp đầu tiên, dữ liệu cho thấy sự chuyển dịch rõ rệt giữa hai thế hệ. Tỷ lệ lựa chọn nghề vì “quen thuộc, phù hợp với năng lực và sở thích” tăng mạnh từ 62,7% ở thế hệ thứ hai lên 93,8% ở thế hệ thứ ba, trong khi tỷ lệ lựa chọn vì “phù hợp với hoàn cảnh gia đình” giảm từ 38,5% xuống 22,9% và tỷ lệ “chưa có định hướng nghề” giảm từ 29,9% xuống 18,4%. Những thay đổi này phản ánh xu hướng gia tăng tính chủ động cá nhân và sự suy giảm tương đối của sự lệ thuộc vào điều kiện gia đình trong lựa chọn nghề nghiệp.

Bên cạnh đó, tỷ lệ lựa chọn nghề vì “giá trị kinh tế cao” được coi trọng hơn, với tỉ lệ 12,0% lên 30,6%. Điều này cho thấy, vốn văn hóa trong lựa chọn nghề nghiệp ngày càng gắn với mục tiêu ổn định thu nhập và triển vọng kinh tế, bên cạnh giá trị biểu tượng truyền thống của nghề.

Mặc dù vậy, khi xem xét tác nhân ảnh hưởng lớn nhất đến quyết định nghề nghiệp, vai trò của gia đình vẫn tiếp tục được khẳng định, với tỷ lệ tăng từ 52,6% ở thế hệ thứ hai lên 64,7% ở thế hệ thứ ba. Kết quả này cho thấy gia đình không suy giảm vai trò trong bối cảnh xã hội hiện đại, mà duy trì ảnh hưởng thông qua việc định hình hệ giá trị, kỳ vọng và năng lực lựa chọn của con cái.

Tổng hợp các kết quả cho thấy, gia đình vẫn là nguồn vốn văn hóa quan trọng trong quá trình chuẩn bị và lựa chọn nghề nghiệp. Tuy hình thức tác động có sự chuyển dịch, ảnh hưởng này vẫn góp phần tổ chức hóa các quyết định nghề nghiệp của thế hệ trẻ trong bối cảnh thị trường lao động và công nghệ biến đổi mạnh mẽ.

3.2. Ảnh hưởng của vốn văn hóa của gia đình tới sự kế thừa nghề nghiệp của các thế hệ

Để làm rõ vai trò của vốn văn hóa trong quá trình kế thừa nghề nghiệp, nghiên cứu tập trung vào hai khía cạnh chính: (a) trình độ học vấn như một dạng vốn văn hóa chính thức và (b) môi trường gia đình như nguồn vốn văn hóa phi học vấn mang tính thể hóa.

a. Trình độ học vấn như một dạng vốn văn hóa chính thức trong cơ chế kế thừa nghề nghiệp

Trình độ học vấn của cha là một chỉ báo quan trọng của vốn văn hóa chính thức. Dữ liệu khảo sát cho thấy tồn tại mối liên hệ rõ rệt giữa học vấn của cha ở thế hệ thứ nhất và nghề nghiệp đầu tiên của con ở thế hệ thứ hai.

Bảng 1. Mối liên hệ giữa trình độ học vấn của cha ở thế hệ 1 với nghề nghiệp đầu tiên của người con ở thế hệ 2 (đơn vị %)

Học vấn của cha TH1	Nghề đầu tiên của con (thế hệ 2)										
	LLVT	LĐ	DN	CMC	NV	CN	BH, DV	TTCN	LĐGD	ND	Tổng
Chưa đi học	7,0	0,0	0,0	0,0	10,5	14,0	8,8	7,0	0,0	52,6	100
Tiểu học	13,6	0,0	0,0	4,2	21,2	21,2	7,6	4,2	0,8	27,1	100
THCS	10,1	0,0	0,0	0,0	10,1	13,0	5,8	10,1	2,9	47,8	100
THPT	5,3	0,0	0,0	0,0	21,1	15,8	5,3	21,1	10,5	21,1	100
CĐ, TC	14,3	14,3	0,0	0,0	28,6	0,0	14,3	14,3	0	14,3	100
ĐH, Sau ĐH	25,0	0,0	0,0	0,0	37,5	12,5	25,0	0	0	0	100

(Nguồn: Số liệu do tác giả khảo sát)

Ở các nhóm cha có trình độ học vấn thấp (chưa đi học, tiểu học, THCS), nghề nghiệp đầu tiên của con tập trung chủ yếu vào các nghề truyền thống và lao động giản đơn. Tỷ lệ con làm nông nghiệp chiếm ưu thế, đạt 52,6% ở nhóm “cha chưa đi học” và 47,8% ở nhóm “cha học THCS”, bên cạnh tỷ lệ đáng kể làm công nhân và lao động giản đơn. Ngược lại, các nhóm nghề thuộc khu vực chính thức và có yêu cầu chuyên môn cao như nhân viên, dịch vụ hay doanh nghiệp xuất hiện rất hạn chế ở các nhóm học vấn này.

Trong khi đó, ở nhóm cha có trình độ đại học và sau đại học, cơ cấu nghề nghiệp của con có sự khác biệt rõ rệt. Tỷ lệ con làm nhân viên đạt 37,5%, lực lượng vũ trang và dịch vụ, buôn bán cùng chiếm 25%, và không ghi nhận trường hợp nào làm nông nghiệp hoặc lao động giản đơn. Mặc dù quy mô mẫu không lớn, kết quả này cho thấy học vấn cao của cha gắn liền với khả năng con cái tiếp cận các nhóm nghề có mức độ chuyên môn hóa và vị thế xã hội cao hơn.

Tỷ lệ con làm nhân viên đạt 37,5%, lực lượng vũ trang chiếm 25% và dịch vụ, buôn bán chiếm 25%. Không ghi nhận trường hợp nào làm nông nghiệp hoặc lao động giản đơn. Mặc dù quy mô nhóm này không lớn, nhưng dữ liệu cho thấy học vấn cao của cha gắn liền với khả năng con cái tiếp cận các nhóm nghề có mức độ chuyên môn hóa và vị thế xã hội cao hơn.

Những khác biệt trên cho thấy học vấn của cha không chỉ là đặc điểm cá nhân, mà còn phản ánh vị thế trong cấu trúc phân tầng xã hội, qua đó mở rộng hoặc thu hẹp phạm vi lựa chọn nghề nghiệp của con cái. Khi học vấn của cha tăng lên, xu hướng kế thừa nghề nghiệp cụ thể, đặc biệt trong nông nghiệp, có dấu hiệu suy giảm, thay vào đó là sự dịch chuyển sang

các không gian nghề chính thức. Điều này cho thấy vai trò của vốn văn hóa chính thức trong việc làm biến đổi hình thức kế thừa nghề nghiệp, từ lặp lại nghề truyền thống sang tái sản xuất vị thế xã hội giữa các thế hệ. Trên cơ sở đó, phần tiếp theo tiếp tục phân tích mối quan hệ này ở thế hệ thứ ba.

Bảng 2. Mối liên hệ giữa trình độ học vấn của cha ở thế hệ 2 với nghề đầu tiên của người con ở thế hệ 3 (đơn vị %)

Học vấn của cha TH2	Nghề đầu tiên của con (thế hệ 3)										
	LLVT	LĐ	DN	CMC	NV	CN	BH, DV	TTCN	LĐGD	ND	Tổng
Chưa đi học	6,3	0,0	0,0	0,0	18,8	25,0	0,0	6,3	18,8	25,0	100
Tiểu học	0,0	0,0	0,0	0,0	17,6	35,3	0,0	11,8	5,9	29,4	100
THCS	5,3	0,0	0,0	0,0	16,8	31,6	10,5	11,6	16,8	7,4	100
THPT	1,2	0,0	0,0	10,7	28,6	28,6	7,1	13,1	7,1	3,6	100
CĐ, TC	0,0	0,0	0,0	12,5	50,0	15,6	12,5	3,1	6,3	0,0	100
ĐH, Sau ĐH	0,0	0,0	2,9	8,6	65,7	8,6	14,3	0,0	0,0	0,0	100

(Nguồn: Số liệu do tác giả khảo sát)

Bảng 2 cho thấy mối liên hệ có tính hệ thống giữa trình độ học vấn của người cha ở thế hệ thứ hai và nghề nghiệp đầu tiên của người con ở thế hệ thứ ba. Học vấn của cha tiếp tục vận hành như một dạng vốn văn hóa chính thức, không chỉ ảnh hưởng đến lựa chọn nghề nghiệp cụ thể mà còn định hình phạm vi cơ hội và quỹ đạo nghề nghiệp ban đầu của thế hệ sau.

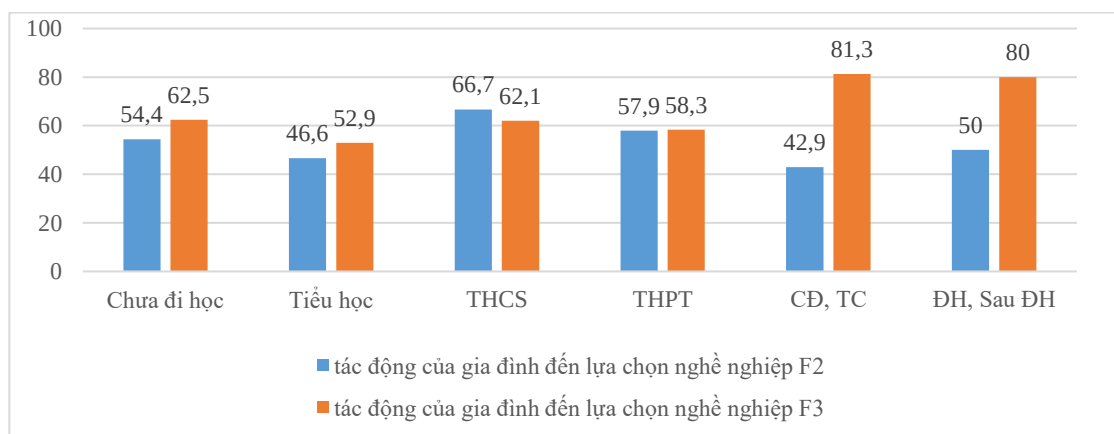
Ở các nhóm cha có trình độ học vấn thấp (chưa đi học, tiểu học), cơ cấu nghề nghiệp đầu tiên của con tập trung chủ yếu vào các nhóm nghề lao động giản đơn và nông nghiệp. Tỷ lệ con làm nông dân dao động từ 25,0% đến 29,4%, cùng với tỷ lệ cao làm công nhân và lao động giản đơn. Đáng chú ý, các nhóm nghề có yêu cầu chuyên môn hoặc vị thế xã hội cao như lãnh đạo, doanh nhân, chuyên môn cao hầu như không xuất hiện. Điều này phản ánh xu hướng tái sản xuất các nghề truyền thống và sự hạn chế trong khả năng dịch chuyển nghề nghiệp theo chiều hướng nâng cao vị thế xã hội.

Khi trình độ học vấn của cha tăng lên, đặc biệt từ THCS và THPT, cơ cấu nghề nghiệp của con bắt đầu có sự phân hóa rõ rệt. Ở nhóm cha có trình độ THPT, tỷ lệ con tham gia các nhóm nghề có tính chính thức và chuyên môn như nhân viên (28,6%), công nhân (28,6%), chuyên môn cao (10,7%), trong khi tỷ lệ làm nông nghiệp giảm xuống mức rất thấp (3,6%). Xu hướng này trở nên rõ nét hơn ở các nhóm cha có trình độ cao đẳng - trung cấp và đại học - sau đại học, khi tỷ lệ con làm nhân viên lần lượt đạt 50,0% và 65,7%, đồng thời không còn ghi nhận trường hợp nào làm nông nghiệp hoặc lao động giản đơn.

Những kết quả này cho thấy học vấn của cha không chỉ mở rộng khả năng tiếp cận các nhóm nghề có địa vị xã hội cao hơn, mà còn thu hẹp đáng kể khả năng con cái tham gia vào các nghề có vị thế thấp. Dưới góc nhìn của Pierre Bourdieu, vốn văn hóa chính thức

được tích lũy qua học vấn của cha đã góp phần cấu trúc hóa quỹ đạo nghề nghiệp của con ngay từ nghề nghiệp đầu tiên, thông qua việc định hướng lựa chọn, cung cấp nguồn lực và mở rộng mạng lưới xã hội liên quan đến nghề nghiệp.

Đặt trong mối liên hệ với Bảng 1, Bảng 2 cho thấy quá trình kế thừa nghề nghiệp giữa các thế hệ đang có sự chuyển dịch. Nếu ở các nhóm học vấn thấp, sự kế thừa diễn ra chủ yếu ở cấp độ nghề nghiệp cụ thể, thì ở các nhóm học vấn cao, sự kế thừa thể hiện rõ hơn ở cấp độ vị thế xã hội và trường nghề. Con cái không nhất thiết tiếp nối trực tiếp nghề nghiệp của cha, nhưng vẫn tập trung vào các nhóm nghề có vị thế tương đương hoặc cao hơn, cho thấy sự chuyển đổi từ kế thừa nghề sang tái sản xuất vị thế xã hội trong bối cảnh biến đổi cơ cấu nghề nghiệp hiện nay.



Biểu đồ 1. Mối quan hệ giữa trình độ học vấn của cha và mức độ ảnh hưởng của gia đình đối với lựa chọn nghề nghiệp của con cái

(Nguồn: Số liệu do tác giả khảo sát)

Biểu đồ 1 cho thấy mối liên hệ đáng kể giữa trình độ học vấn của cha và mức độ con cái thừa nhận vai trò của gia đình trong lựa chọn nghề nghiệp. Ở các nhóm cha có trình độ học vấn thấp (chưa đi học, tiểu học, THCS), tỷ lệ người con cho rằng gia đình có ảnh hưởng mạnh đến lựa chọn nghề nghiệp ở mức cao; riêng nhóm “cha học THCS” đạt 66,7% ở thế hệ F2 và 62,1% ở thế hệ F3. Điều này phản ánh vai trò định hướng trực tiếp của gia đình trong các nhóm có vốn văn hóa thấp.

Ngược lại, ở các nhóm cha có trình độ học vấn cao (cao đẳng, đại học/sau đại học), mức độ thừa nhận ảnh hưởng của gia đình có sự khác biệt rõ giữa hai thế hệ. Ở thế hệ F2, tỷ lệ này dao động trong khoảng 42,9-50,0%, trong khi ở thế hệ F3 lại tăng mạnh, lên tới 80%. Sự gia tăng này cho thấy ảnh hưởng của gia đình trong các gia đình có học vấn cao không biểu hiện chủ yếu bằng sự áp đặt lựa chọn nghề nghiệp, mà thông qua các cơ chế gián tiếp như định hướng giá trị, môi trường giáo dục và kỳ vọng nghề nghiệp.

Dưới góc nhìn của Pierre Bourdieu, đây là biểu hiện của vốn văn hóa được thể hóa trong đời sống gia đình, góp phần định hình nhận thức và thái độ nghề nghiệp của con cái qua các thế hệ, ngay cả khi cá nhân vẫn cảm nhận lựa chọn nghề nghiệp như một quyết định độc lập. Qua đó, lựa chọn nghề nghiệp được hiểu như kết quả của quá trình tích lũy định hướng văn hóa lâu dài trong gia đình, hơn là quyết định cá nhân đơn lẻ.

b. Môi trường gia đình - những dạng vốn văn hóa phi học vấn mang tính thể hóa.

Dữ liệu nghiên cứu cho thấy ở cả hai thế hệ, con cái đều có mức độ tiếp xúc thường xuyên với nghề nghiệp của cha mẹ thông qua các câu chuyện và trao đổi trong đời sống gia đình. Tỷ lệ con cái thường xuyên hoặc thỉnh thoảng trao đổi về công việc với cha mẹ đạt 64,1% ở thế hệ thứ hai và tăng lên 82,1% ở thế hệ thứ ba, cho thấy gia đình tiếp tục là không gian quan trọng hình thành hiểu biết ban đầu về nghề nghiệp.

Bên cạnh đó, 47,2% người con ở thế hệ thứ hai cho biết họ hiểu rõ nghề nghiệp của mình do đã quen thuộc với các đặc trưng nghề từ trước. Ở thế hệ thứ ba, mức độ hiểu biết cao hơn rõ rệt: 65,3% được đánh giá là hiểu rất rõ nghề nghiệp của cha mẹ, 27,5% có hiểu biết nhất định và chỉ 6,5% cho biết không có thông tin đáng kể. Những con số này phản ánh vai trò của sự tiếp xúc nghề nghiệp sớm trong gia đình đối với quá trình chuẩn bị nghề của con cái.

Phần lớn người được hỏi, ở cả nhóm kế thừa và không kế thừa nghề của cha mẹ (trên 80%), cho rằng họ thừa hưởng từ cha mẹ các kỹ năng và phẩm chất liên quan đến công việc, như cách ứng xử trong môi trường lao động, kỹ năng xử lý khó khăn, cùng các phẩm chất cần cù, chăm chỉ và kiên trì. Chỉ một tỷ lệ rất nhỏ ở thế hệ thứ hai cho biết họ không thừa hưởng yếu tố nào từ nghề nghiệp của cha mẹ.

“Từ nhỏ, cô đã tham gia làm ruộng cùng bố mẹ. Vậy nên, cứ thế là biết làm nghề nông thôi. Làm nghề nông phải chăm chỉ, cần cù và phụ thuộc nhiều vào thời tiết lắm.” (Nữ, 58 tuổi, phỏng vấn tại Quảng Hưng)

“Em đã quen nghe bố gọi điện công trình, tối về lại thấy bố vẽ bản thiết kế. Nhiều khi bố bảo: ‘Sau này học kỹ thuật giống bố nhé, nghề này sống được’. Em thấy quen và thích nghề đó lúc nào không hay.” (Nam, 22 tuổi, phỏng vấn tại Đông Thọ)

Các trích dẫn phỏng vấn cho thấy con cái không bị ép buộc lựa chọn nghề nghiệp, nhưng việc tiếp xúc thường xuyên với môi trường nghề của cha mẹ tạo nên sự quen thuộc và xu hướng lựa chọn nghề theo những khuôn mẫu sẵn có trong gia đình.

Khi xem xét mong muốn kế thừa nghề nghiệp của cha mẹ, tỷ lệ này đạt 9,6% ở thế hệ thứ hai và tăng lên 16,3% ở thế hệ thứ ba. Mong muốn kế thừa nghề chủ yếu xuất hiện ở các gia đình có nghề nghiệp ổn định và vị thế xã hội tương đối cao; trong khi đó, ở nhiều gia đình nông nghiệp, cả cha mẹ và con cái đều có xu hướng tránh việc con tiếp tục làm nông. *“Mẹ em luôn dặn: ‘Làm nghề giáo viên tuy không giàu nhưng ổn định, có thời gian cho gia đình’. Nghe mãi rồi em cũng thấy nghề ấy hợp với mình.”* (Nữ, 26 tuổi, phỏng vấn tại phường Đông Thọ).

Các phỏng vấn sâu cũng cho thấy, ở những gia đình trung lưu và có trình độ học vấn cao, cha mẹ thường đầu tư sớm vào giáo dục định hướng nghề cho con thông qua học năng khiếu, kỹ năng mềm, ngoại ngữ, tham gia câu lạc bộ hoặc các chương trình trải nghiệm nghề. Những hình thức đầu tư này góp phần nâng cao năng lực lựa chọn nghề nghiệp của con cái.

Trong các gia đình này, con cái không nhất thiết kế thừa nghề cụ thể của cha mẹ, nhưng thường lựa chọn các nghề có cấu trúc tương đương như nhóm nghề văn phòng, chuyên môn hoặc dịch vụ. *“Hồi cấp hai mẹ cho em học thử thiết kế đồ họa, rồi cho đi trại hè truyền thông. Em thích từ đó và xác định thi ngành báo chí luôn.”* (Nữ, 19 tuổi, phỏng vấn tại phường Đông Thọ).

Tổng hợp các kết quả cho thấy vốn văn hóa gia đình không chỉ thể hiện qua học vấn, mà còn được truyền tải thông qua môi trường sinh hoạt, giao tiếp và các kỳ vọng trong đời sống hàng ngày. Quá trình kế thừa nghề nghiệp vì vậy không nhất thiết diễn ra ở nghề nghiệp cụ thể, nhưng thể hiện rõ ở chuẩn mực lựa chọn nghề và khả năng duy trì vị thế xã hội giữa các thế hệ.

3.3. Vốn xã hội và tác động đến nghề nghiệp thế hệ sau

Nếu vốn văn hóa định hướng cách cá nhân suy nghĩ và lựa chọn nghề, thì vốn xã hội quyết định khả năng hiện thực hóa các lựa chọn đó. Theo Pierre Bourdieu, vốn xã hội là tập hợp các mối quan hệ xã hội mà cá nhân có thể huy động nhằm tạo lợi thế trong hành động. Trong nghiên cứu này, vốn xã hội được xem xét thông qua các chủ thể hỗ trợ và các hình thức hỗ trợ khi con cái bắt đầu nghề nghiệp.

Bảng 3. Nguồn vốn xã hội và hình thức hỗ trợ khi con bắt đầu nghề nghiệp của F2 và F3

1. Người hỗ trợ chính khi bắt đầu vào nghề	F2	F3
Gia đình	58,4	67,4
Họ hàng	12,4	10,1
Bạn bè	20,3	22,9
Đồng nghiệp cùng cơ quan	28,5	21,5
Người làm cùng lĩnh vực	13,1	12,5
Thầy cô giáo	0,0	2,1
Hàng xóm	3,1	2,8
2. Hình thức hỗ trợ khi bắt đầu vào nghề		
Hỗ trợ dụng cụ sản xuất	26,1	36,5
Hỗ trợ về mặt tinh thần	67,0	76,5
Hỗ trợ về tài chính	15,5	35,5
Gia tăng uy tín cơ quan	4,1	9,0

(Nguồn: Số liệu do tác giả khảo sát)

Dữ liệu ở Bảng 3 cho thấy, gia đình là nguồn hỗ trợ chính trong giai đoạn khởi đầu nghề nghiệp ở cả hai thế hệ. Tỷ lệ người nhận hỗ trợ từ gia đình tăng từ 58,4% ở thế hệ thứ hai lên 67,4% ở thế hệ thứ ba, khẳng định vai trò trung tâm và ổn định của gia đình như một nguồn vốn xã hội trực tiếp. Các nguồn hỗ trợ khác như họ hàng, bạn bè và đồng nghiệp có tỷ lệ thấp hơn và tương đối ổn định giữa hai thế hệ.

Xét theo hình thức hỗ trợ, tất cả các loại hỗ trợ đều gia tăng ở thế hệ thứ ba. Hỗ trợ tinh thần tiếp tục chiếm tỷ lệ cao nhất, tăng từ 67,0% lên 76,5%, cho thấy ý nghĩa quan trọng của sự động viên và định hướng trong giai đoạn khởi đầu nghề nghiệp. Đáng chú ý, hỗ trợ tài chính tăng mạnh từ 15,5% lên 35,5%, phản ánh mức độ đầu tư vật chất của gia đình ngày càng lớn. Hỗ trợ dụng cụ sản xuất cũng tăng từ 26,1% lên 36,5%, cho thấy nhu cầu về nguồn lực kỹ thuật trong nhiều nhóm nghề hiện nay.

Bên cạnh các hình thức hỗ trợ trực tiếp, hỗ trợ mang tính biểu tượng như gia tăng uy tín cơ quan tuy chiếm tỷ lệ thấp nhưng tăng từ 4,1% lên 9,0%. Điều này cho thấy vai trò ngày càng rõ của vốn xã hội biểu tượng trong việc mở rộng cơ hội nghề nghiệp, đặc biệt ở các gia đình có vị thế nghề nghiệp và mạng lưới quan hệ ổn định.

Tổng hợp các kết quả cho thấy mức độ huy động vốn xã hội ở thế hệ thứ ba cao hơn thế hệ trước, cả về quy mô và hình thức. Gia đình tiếp tục là nguồn lực then chốt, trong khi các hình thức hỗ trợ ngày càng đa dạng, phản ánh quá trình tích lũy và tái sản xuất vốn xã hội giữa các thế hệ trong bối cảnh yêu cầu lập nghiệp ngày càng cao.

Đồng thời, dữ liệu cũng cho thấy sự dịch chuyển trong kênh tiếp cận thông tin nghề nghiệp. Nếu thế hệ trước chủ yếu dựa vào các mối quan hệ trực tiếp, thì thế hệ thứ ba khai thác nhiều hơn các kênh truyền thông, mạng xã hội và không gian số, cho thấy vốn xã hội đang mở rộng sang các hình thức kết nối mới trong xã hội hiện đại.

3.4. So sánh và thảo luận theo chiều thế hệ: từ tái sản sinh đến chuyển hóa vốn

So sánh giữa thế hệ thứ hai (F2) và thế hệ thứ ba (F3) cho thấy sự chuyển dịch rõ rệt trong cơ chế kế thừa nghề nghiệp. Kế thừa nghề không còn chủ yếu diễn ra thông qua việc lặp lại nghề nghiệp cụ thể của cha mẹ, mà chuyển sang duy trì vị thế và quỹ đạo nghề nghiệp thông qua các nguồn vốn gia đình.

Về lý do lựa chọn nghề, F2 thường đưa ra quyết định dựa trên điều kiện kinh tế và cơ hội nghề sẵn có, với mục tiêu ưu tiên sinh kế. Trong khi đó, F3 có xu hướng lựa chọn nghề dựa trên năng lực cá nhân, sở thích và các cơ hội mở rộng từ giáo dục và truyền thông, phản ánh sự chuyển dịch từ lựa chọn mang tính thích ứng sang lựa chọn mang tính chủ động.

Cách sử dụng vốn giữa hai thế hệ cũng có sự khác biệt. F2 tiếp cận vốn văn hóa chủ yếu qua kinh nghiệm và thực hành trong gia đình, đồng thời huy động vốn xã hội từ các mối quan hệ gần. Ngược lại, F3 sử dụng vốn văn hóa theo hướng chính quy thông qua giáo dục - đào tạo, đồng thời mở rộng vốn xã hội sang các mạng lưới ngoài gia đình.

Mức độ lệ thuộc vào gia đình không mất đi mà chuyển dịch về hình thức. Ở F2, hỗ trợ của gia đình mang tính trực tiếp và vật chất, trong khi ở F3, ảnh hưởng của gia đình thể hiện nhiều hơn qua định hướng giá trị, hỗ trợ tinh thần và các nguồn lực mang tính biểu tượng.

Từ đó có thể thấy, kế thừa nghề nghiệp giữa các thế hệ đang chuyển từ tái sản sinh nghề nghiệp cụ thể sang tái sản xuất vị thế và quỹ đạo nghề nghiệp. Con cái có thể không làm cùng nghề với cha mẹ nhưng vẫn tập trung trong các nhóm nghề có vị thế xã hội tương đương, phù hợp với luận điểm của Pierre Bourdieu về cơ chế tái sản xuất xã hội thông qua vốn văn hóa và vốn xã hội.

5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu cho thấy quá trình kế thừa nghề nghiệp trong gia đình ở bối cảnh đô thị hiện nay không còn chủ yếu diễn ra dưới dạng truyền nghề trực tiếp, mà chuyển sang duy trì vị thế và quỹ đạo nghề nghiệp thông qua các nguồn vốn gia đình. Trình độ học vấn, môi trường gia đình và mạng lưới quan hệ xã hội của cha mẹ tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong việc định hình khả năng tiếp cận và lựa chọn nghề nghiệp của thế hệ sau.

Kết quả nghiên cứu củng cố luận điểm của Pierre Bourdieu về cơ chế tái sản xuất xã hội thông qua vốn văn hóa và vốn xã hội, trong đó hình thức kế thừa có thể biến đổi nhưng cấu trúc cơ hội và vị thế xã hội vẫn được duy trì qua các thế hệ, kể cả trong bối cảnh xã hội ngày càng cá nhân hóa.

Bên cạnh đó, nghiên cứu còn tồn tại một số giới hạn, như phạm vi khảo sát còn hẹp và chưa phân tích sâu sự khác biệt theo giới hoặc theo nhóm ngành nghề. Đây là những hướng nghiên cứu tiếp theo cần được mở rộng nhằm làm rõ hơn cơ chế vận hành của kế thừa nghề nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi kinh tế - xã hội hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Chu Hương Ly (2015), *Các nguồn lực phân tầng ảnh hưởng thế nào đến di động xã hội ở Việt Nam?* Bài trình bày tại Hội thảo Doctoriales.
- [2] Nguyễn Thị Lý (2018), *Sự kế thừa nghề nghiệp giữa các thế hệ trong gia đình tại thành phố Thanh Hóa* (Luận án tiến sĩ), Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Thị Việt Hưng (2024), *Sự kế thừa nghề nghiệp giữa các thế hệ trong gia đình tại một số làng nghề tỉnh Thanh Hóa*, Đề tài NCKH cấp cơ sở Trường Đại học Hồng Đức.
- [4] Bourdieu, P. (1986), *The forms of capital*. In J. Richardson (Ed.), *Handbook of theory and research for the sociology of education* (pp. 241-258). Greenwood.
- [5] Bourdieu, P. (1990), *The logic of practice*. Stanford University Press.
- [6] Bourdieu, P. (1993), *Sociology in question*. SAGE Publications.
- [7] King, L., Doan, T. K. T., & Baulch, B. (2008), *Inequality and poverty in Vietnam during the reform era*. UNDP Vietnam.
- [8] Marr, D., & Rosen, S. (1998), *Education and political change in Vietnam*. In D. Kelly (Ed.), *Asian freedoms: The idea of freedom in East and Southeast Asia* (pp. 145-172). Cambridge University Press.
- [9] Nguyen, M. H. (2002), *Class formation and the post-socialist transformation in Vietnam*. *Critical Asian Studies*, 34(3), pp.305-330.
- [10] Turner, S., & Nguyen, M. H. (2005), *Young entrepreneurs, social capital and dilemmas of development in Hanoi, Vietnam*. *Urban Studies*, 42(10), pp.1693-1710.

**SOCIAL CAPITAL AND FAMILY CULTURAL CAPITAL:
FACTORS INFLUENCE INTERGENERATIONAL OCCUPATIONAL
INHERITANCE IN THANH HOA CITY**

Nguyễn Thị Ly, Nguyễn Thị Việt Hưng

ABSTRACT

This article analyzes the mechanisms of intergenerational occupational inheritance within families in Thanh Hoa city, through the theoretical lens of Pierre Bourdieu's concepts of cultural and social capital. Employing a mixed-methods approach, the study surveyed 291 households across two wards representing both middle-class families and migrant residents. Findings reveal that younger generations are more proactive in choosing their careers, yet family influence-both in terms of cultural capital (education, habits, expectations) and social capital (support networks, reputation)-remains central. Occupational inheritance no longer takes the form of direct job replication but instead shifts toward symbolic inheritance and the reproduction of social status. This highlights underlying concerns about latent inequalities in the modern labor market, as familial advantages continue to be maintained and reproduced across generations.

Keywords: Occupational inheritance, cultural capital, social capital.

* Ngày nộp bài: 08/06/2025; Ngày gửi phản biện: 11/06/2025; Ngày duyệt đăng: 25/12/2025